

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: **05/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 17-01-2025
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Hải.
- Ông Nguyễn Văn Sở.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim N; sinh năm 1991.

Địa chỉ: số 134/29B Quốc lộ 1, Phường 5, thành phố T, tỉnh L

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc B; sinh năm 1983.

Địa chỉ: số 12 Võ Văn M, Phường 3, thành phố T, tỉnh L.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 09 năm 2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà Phạm Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, thành phố T, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 150/2015 quyền số 01/2015 ngày 25/12/2015. Vợ chồng chung sống

đến tháng 4 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, gây gổ ngày càng nhiều nguyên nhân do ông B thường xuyên cờ bạc, không chăm lo cho vợ con, vợ chồng tính tình không hòa hợp nên thường xảy ra gây gổ, cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào hàn gắn được. Bà đã đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Bà thấy tình cảm không còn nên yêu cầu xin ly hôn với ông B.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Bình M, sinh ngày 31/01/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định bà và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Phạm Thị Kim N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc B đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông B không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của bà N. Phiên tòa hôm nay, ông B cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo họp lệ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Quốc B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Bà Phạm Thị Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với bà N và ông B là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa Bà Phạm Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do bà N và ông B có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà N có yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Theo kết quả xác minh của công an phường 3, thành phố T, tỉnh L thì hiện ông B vẫn còn đang sinh sống tại địa chỉ số 12 Võ Văn M, Phường 3, thành phố T, tỉnh L. Như vậy cho thấy ông B vẫn biết việc ly hôn với bà N nhưng không có thiện chí hòa giải, hàn gắn để về chung sống với bà N, không có ý kiến, nguyện vọng về việc nuôi con chung. Vì vậy, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, giao con chung tên chưa thành niên Nguyễn Bình M, sinh ngày 31/01/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không có yêu cầu. Bà N phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Kim N nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Quốc B có địa chỉ cư trú ở thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông B đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông B không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông B là đúng theo quy định tại Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, thành phố T, tỉnh L nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cũng đã có xác minh về quan hệ tranh chấp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của bà N và ông B tại UBND Phường 3, thành phố T, tỉnh L nơi bà N và ông B sinh sống sau khi kết hôn theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà Phạm Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc B. Bà N xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông B thường xuyên cò bạc, không chăm lo cho vợ con, tính tình không hòa hợp hay xảy ra gây gổ, cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông B không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Ông B được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, được tổng đạt họp lệ, các văn bản tố tụng của Tòa án cho thấy ông B đã biết được việc bà N yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà N và ông B đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân của bà N và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, bản thân bà N xác định đã không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: bà N và ông B có 01 con chung tên Nguyễn Bình M, sinh ngày 31/01/2016. Bà N có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy, con chung đang sống chung với bà N, đồng thời con chung đã trên 07 tuổi, có ý kiến muốn sống chung với mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án ông B không có ý kiến gì về nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử quyết định

giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Kim N và ông Nguyễn Quốc B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Bình M, sinh ngày 31/01/2016 cho bà Phạm Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000805 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THA TP. T;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Lệ Hoa – Phạm Văn Hải

Lê Thị Tố Loan

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan